

Bản án số: 74/2024/HS-PT

Ngày: 19-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Phương, ông Nguyễn Văn Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 73/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Phạm Đoàn T**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Phiên tòa được mở trực tuyến tại hai điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm tại Hội trường B, tầng 4 trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận và điểm cầu thành phần tại phòng trực tuyến Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Điểm cầu trung tâm gồm có: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Kiểm sát viên như nêu trên.

Điểm cầu thành phần gồm có: Bị cáo **Phạm Đoàn T**; Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa: Ông **Vương Minh T1** - Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong; ông **Võ Duy Đ** và ông **Huỳnh Văn T2** lực lượng hỗ trợ tư pháp.

Bị cáo: **Phạm Đoàn T**, sinh ngày: 30 tháng 8 năm 2000, tại tỉnh Bình Thuận. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: **thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông **Phạm Thanh V**, sinh năm: 1967(đã chết) và bà **Đoàn Thị N**, sinh năm: 1965; **A**, chị, em ruột: 02 người; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa bị cáo **Phạm Đoàn T** và **Nguyễn Bá T3** có quen biết trên mạng xã hội. Vào ngày 15/5/2023, **T3** thấy **T** đăng tin rao bán 01 thửa đất số 152, tờ bản đồ số 06, ở **khối A, A, T, Quảng Nam** trên trang Facebook cá nhân tên “*Thuận Đất*” nên **T3** đã liên hệ với **T** hỏi mua thửa đất nêu trên với giá 125.000.000 đồng, **T** đồng ý. Đến ngày 16/5/2023, **T3** chuyển cho **T** qua số tài khoản 1015074734 mở tại **ngân hàng V1 chi nhánh Đ1** số tiền 25.000.000 đồng để **T** đặt cọc cho chủ đất. Sau đó, **T** chuyển cho **Vương A** (là người môi giới) số tiền 20.000.000 đồng để đặt cọc tiền đất, riêng **T** hưởng chênh lệch số tiền 5.000.000 đồng. **Vương A** chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho **Hồ Thị Kim L** - 1984 trú tại: **thôn Đ, xã H, TP T, tỉnh Quảng Nam** để đặt cọc thửa đất số 152 nêu trên. Đến ngày 17/5/2023, **T3** trao đổi với **T** việc làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất lên thổ cư đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 06, ở **khối A, A, T, Quảng Nam** và **T** đồng ý, sau đó **T3** tiếp tục chuyển khoản cho **T** số tiền 3.000.000 đồng. Nhưng đến ngày hẹn trả tiền đất **T3** không có mặt nên việc mua bán này bị hủy, **T** không trả lại số tiền 3.000.000 đồng cho **T3**. Ngày 17/5/2023, **Thuận lợi** dụng sự tin tưởng của **T3** ở hai lần giao dịch trước và **T** không có tiền tiêu xài cá nhân nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của **T3**. **T** lên mạng xã hội tìm kiếm và tham gia vào các hội nhóm buôn bán bất động sản sau đó copy hình ảnh đất đai và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang mua bán về và gửi cho **T3** để mời **T3** mua đất. Trong khoảng thời gian từ ngày 17/5/2023 đến ngày 04/6/2023, với cùng một phương thức thủ đoạn, **T** đã lừa **T3** chuyển tiền cho **T** nhưng **T** không tiến hành việc giao dịch đặt cọc đất như đã thỏa thuận và chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

Ngày 17/5/2023, **T** lấy hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 99 tờ bản đồ số 34 tại **Thanh Hương T, Đ, P, Thừa Thiên H** và gửi cho **T3** giới thiệu mua lô đất nêu trên thì được **T3** đồng ý. **T3** chuyển khoản cho **T** số tiền 5.000.000 đồng để đặt cọc mua đất. **T** đã chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân hết. Ngày 18/5/2023, **T** lấy hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 103 tờ bản đồ số 59 tại **Đ, P, P, Thừa Thiên H** để gửi cho **T3** giới thiệu mua lô đất nêu trên thì được **T3** đồng ý. **T3** chuyển khoản cho **T** số tiền 5.000.000 đồng để đặt cọc mua đất. **T** đã chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân hết. Ngày 27/5/2023, **T** tải hình ảnh 01 thửa đất (không có giấy tờ, địa chỉ cụ thể) ở **thành phố T, tỉnh Quảng Nam** gửi cho **T3** và rủ **T3** góp tiền với **T** để mua chung thửa đất trên và đến cuối tuần sẽ bán lại cho khách, **T3** đồng ý và đã chuyển khoản cho **T** số tiền 5.000.000 đồng, **T** đã chiếm đoạt số tiền này để tiêu xài cá nhân. Cùng ngày, **T** tải hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 105 tờ bản đồ số 13 tại **Thôn B, V, Đ, P, Thừa Thiên H** gửi cho toàn xem và báo giá bán 15.000.000 đồng, **T3** đồng ý mua và chuyển khoản 5.000.000 đồng tiền đặt cọc cho **T**, **T** đã chiếm đoạt số tiền này để tiêu xài cá nhân. Sau đó, **T** tiếp tục tải hình ảnh thửa đất 104 tờ bản đồ số 13 tại **Thôn B, V, Đ, P, Thừa Thiên H** gửi cho toàn xem và báo giá bán 15.000.000 đồng, **T3** đồng ý mua và chuyển khoản 5.000.000 đồng tiền đặt cọc cho **T**, **T** đã chiếm đoạt số tiền này để tiêu xài cá nhân. Sau đó, **T** lấy lý do chủ của thửa đất (không có giấy tờ, địa chỉ cụ thể) ở **thành phố T, tỉnh Quảng Nam** nêu trên đòi thêm tiền đặt cọc

nên tiếp tục nhắn tin yêu cầu Toàn chuyển khoản thêm tiền, T3 đồng ý và chuyển khoản thêm cho T 3.000.000 đồng, T đã chiếm đoạt số tiền này để tiêu xài cá nhân. Ngày 28/5/2023, T lấy hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 271 tại Thôn T, T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam để gửi cho T3 giới thiệu mua lô đất nêu trên thì được T3 đồng ý. T3 chuyển khoản cho T số tiền 20.000.000 đồng để đặt cọc mua đất. T đã chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân hết. Ngày 01/6/2023, T lấy hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 302 tờ bản đồ 41 tại A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam để gửi cho T3 giới thiệu mua lô đất nêu trên thì được T3 đồng ý. T3 chuyển khoản cho T số tiền 5.000.000 đồng để đặt cọc mua đất. T đã chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 04/6/2023, T trao đổi với T3 rằng chủ sở hữu của thửa đất số 302 tờ bản đồ 41 tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam đòi thêm 5.000.000 đồng thì mới cho đặt cọc. T3 đồng ý và tiếp tục chuyển khoản thêm cho T số tiền 5.000.000 đồng. T đã chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 17/5/2023 đến ngày 04/6/2023, Phạm Đoàn T đã 09 lần sử dụng thủ đoạn gian dối trong việc lừa đảo đặt cọc tiền mua đất để chiếm đoạt tổng số tiền 58.000.000 đồng của Nguyễn Bá T3.

Ngoài ra, vào ngày 27/5/2023, T3 đã 01 lần chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng để đặt cọc cho thửa đất số 316 tờ bản đồ số 19 thuộc thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; sau đó T góp thêm số tiền 5.000.000 đồng để chuyển khoản cho Trần Thị T4 tổng số tiền 10.000.000 đồng để đặt cọc thửa đất nêu trên. Và vào ngày 01/6/2023 T đã mượn T3 số tiền 500.000 đồng; ngày 04/6/2023 T đã mượn T3 số tiền 2.000.000 đồng; ngày 07/6/2023 T đã mượn T3 số tiền 100.000 đồng. Đây là những lần giao dịch dân sự giữa T3 và T nên không xem xét, xử lý hình sự đối với T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã quyết định:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đoàn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Phạm Đoàn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định. Ngày 30 tháng 5 năm 2024, bị cáo Phạm Đoàn T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là phù hợp với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do

đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo **Phạm Đoàn T** nộp trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác nhận lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại tòa sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, không bị ép buộc, không oan cho bị cáo. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Nhằm mục đích có tiền để tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 17/5/2023 đến ngày 04/6/2023 bị cáo **Phạm Đoàn T** đã 09 lần dùng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối trong việc đặt cọc mua bán đất để chiếm đoạt tổng số tiền 58.000.000 đồng của bị hại **Nguyễn Bá T3** thì bị phát hiện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã xét xử bị cáo **Phạm Đoàn T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo đã 09 lần dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 58.000.000 đồng của bị hại. Hành vi của bị cáo thuộc tội phạm nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần, thực hiện với lỗi cố ý, có tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm tù mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đủ đảm bảo cải tạo, răn đe, giáo dục bị cáo sau khi ra tù trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội, luôn có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà giữ nguyên mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Đoàn T**. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

[2] Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Đoàn T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Đoàn T** 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Phạm Đoàn T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/8/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TA(02), VKS, CA, THA huyện Tuy Phong;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, THS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phong Lan

